TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/DS-PT
Ngày: 15/4/2025
V/v "Tranh chấp tài sản chung của dòng họ và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Ông Nguyễn Xuân Điền.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.***

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý phúc thẩm số 668/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp tài sản chung của dòng họ và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3476/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1937; địa chỉ: Cụm A, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Danh T1; sinh năm 1964; địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Các Luật sư Đặng Văn C và Trần Thị Thanh L - Văn phòng luật sư Chính P, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Danh T2 *(tên gọi khác: Nguyễn Văn T)*; sinh năm 1941; địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Danh T2: Bà Ngô Thị

L1; sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố số B M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Mạnh T3; sinh năm 1944; địa chỉ: Cụm A, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Nguyễn Danh Đ; sinh năm 1952; địa chỉ: Cụm A, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1943; địa chỉ: Cụm D, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

4. Ông Nguyễn Danh C1; sinh năm 1952; địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

5. Ông Nguyễn Danh B; sinh năm 1956; địa chỉ: Cụm A, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T5; sinh năm 1953; địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn Đ1; sinh năm 1959; địa chỉ: Cụm C, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Danh B1; sinh năm 1953; địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Văn C2; sinh năm 1965; địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông T3; ông Đ; ông T4; ông C1; ông B1; ông T5; ông Đ1; ông B; ông C2: Ông Nguyễn Danh T1; sinh năm 1964; địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

10. Ông Nguyễn Danh T1; sinh năm 1964; có mặt.

11. Bà Nguyễn Thị K; sinh năm 1947; có mặt.

12. Anh Nguyễn Danh H; sinh năm 1965; có mặt.

13. Chị Nguyễn Thị H1; sinh năm 1970; có mặt.

14. Anh Nguyễn Danh H2; sinh năm 1996; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

15. Anh Nguyễn Danh C3; sinh năm 1975; có mặt.

Cùng địa chỉ: Cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

16. Ủy ban nhân dân thành phố H; địa chỉ: Số G Đ, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và đại diện ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn - ông Nguyễn Danh T1 trình bày:

Dòng họ Nguyễn ở xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội có 3 chi. Hai chi dưới đã cùng ký đơn khởi kiện và thay mặt chi trưởng khởi kiện đòi lại đất và nhà thờ họ Nguyễn do ông Nguyễn Danh T2 đang quản lý. Dòng họ N có ngôi nhà thờ họ gồm 03 gian hậu cung và 05 gian nhà tiền tế với tổng diện tích 298,8m^2 tại địa chỉ xã T theo Bản đồ năm 2014 của UBND xã T. Nhà thờ này do dòng họ đóng góp xây dựng, tạo lập đã hơn 200 năm nay, là tài sản chung của họ N, nơi thờ tự tâm linh của dòng họ, được lưu truyền qua nhiều đời, bằng chứng là nhiều vật dụng, đồ thờ tự, cúng tiến trong nhà thờ vẫn còn nguyên giá trị. Hiện nay, dòng họ trải qua 14 đời, hiện có gần 700 trai đinh. Nhà đất của nhà thờ thể hiện thông qua hiện trạng nhà thờ và sổ mục kê năm 1986, năm 1998 tại địa phương. Từ nhiều đời đến nay dòng họ vẫn sử dụng nhà thờ này vào các công việc tín ngưỡng, tâm linh của dòng họ. Theo quy tắc từ lâu thì các trưởng họ sẽ được sinh sống trong khuôn viên nhà thờ để đèn nhang, hương khói, quản lý, trông nom nhà thờ. Ông Nguyễn Danh T2 là trưởng họ nên vẫn là người quản lý nhà thờ họ, đồng thời cùng gia đình được sinh sống trên đất.

Khi nhà thờ xuống cấp, dòng họ Nguyễn muốn xây dựng, sửa chữa nhà thờ cho đẹp đẽ khang trang hơn, đồng thời sẽ làm vài gian nhà cho ông Nguyễn Danh T2 sinh sống tại đó để đèn nhang, hương khói cho nhà thờ thường xuyên. Tuy nhiên, gia đình ông Nguyễn Danh T2 lại không đồng ý, cản trở dòng họ, không cho phép dòng họ được tu sửa nhà thờ. Ông T2 nói rằng đây là tài sản riêng của gia đình ông nên không cho phép dòng họ can thiệp vào.

Khi gia đình ông Nguyễn Danh T2 chiếm giữ trái phép nhà thờ họ Nguyễn, cản trở các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh của dòng họ thì các thành viên dòng họ N đã đề nghị UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai. Đến tháng 11/2017, khi Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa dòng họ N và gia đình ông Nguyễn Danh T2 thì ông Nguyễn Danh T2 mới xuất trình giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất được cấp ngày 29/12/1987, đứng tên ông Nguyễn Văn T (tức là ông Nguyễn Danh T2). Lúc đó, phía nguyên đơn mới biết năm 1987, ông T2 đã tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có nhà thờ họ của họ Nguyễn. Do đó, phía nguyên đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết các nội dung sau.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn T năm 1987;

- Xác định thửa đất diện tích 298,8m^2 tại địa chỉ xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội và tài sản trên đất là nhà thờ gồm 03 gian hậu cung và 05 gian nhà tiền tế là tài sản chung của dòng họ N;

- Buộc gia đình ông Nguyễn Danh T2 phải trả lại toàn bộ diện tích đất 298,8m^2 tại địa chỉ: Xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội và tài sản trên đất là nhà thờ gồm 03 gian hậu cung và 05 gian nhà tiền tế cùng các đồ thờ tự cho dòng họ Nguyễn.

- Nếu gia đình ông T2 muốn hòa giải thì dòng họ nhất trí hòa giải với phương án sau: Quyền sử dụng đất là chung, đứng tên dòng họ, vẫn đồng ý để ông T2 và gia đình ở, trông nom. Ngoài ra không đồng ý với các phương án hòa giải khác.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn ông Nguyễn Danh T2 có ý kiến trình bày:

Thứ nhất, gia đình ông trước kia vốn không phải là trưởng họ mà là nhà cụ Tuần N1 làm trưởng họ, do nhà cụ nghèo nên bán gia phả cho ông nội ông là cụ Nguyễn Danh T6 vì cụ T6 giàu có. Sau khi mua lại, cụ T6 đã rước gia phả về gia đình để thờ cúng tổ đường, 03 chi trong họ cũng theo về thờ cúng đến nay đã được ba đời.

Từ khi ông Danh T2 lớn lên đã biết ông nội là cụ Nguyễn Danh T6 có mảnh đất thổ cư rộng 500m^2, toàn bộ tài sản nằm trên mảnh đất gồm có: 01 nhà ngói 04 gian phía trong để thờ, 01 nhà 05 gian phía ngoài để sinh hoạt và ở. Khi ông nội qua đời, bố ông là cụ Nguyễn Danh P1 thừa kế để làm trưởng họ, phụng sự tổ đường. Lúc đó, gia đình ông bị quy là địa chủ, nên đã bị tịch thu mất đất canh tác và 150m^2 đất thổ cư đang ở chia cho hai gia đình ông Q và ông Vinh Á, nên gia đình còn lại 384m^2 đất (Bao gồm đất ở và nhà cửa). Sau khi Đảng và Nhà nước có chính sách sửa sai, gia đình ông được hạ xuống thành trung nông nên Nhà nước đã trả lại cho gia đình ông 0 gian nhà trong để thờ và 05 gian nhà ngoài để ở với diện tích đất như hiện nay. Chính quyền xã lúc đó do ông Đ2 làm Chủ tịch, ông Q1 làm Bí thư Đảng uỷ cùng ông T7 làm địa chính đã đến nhà ông đo đất. Mẹ ông có nói đến số đất đã bị thu hồi trước kia nhưng ông Q1 bảo nhà tôi rộng rồi thì thôi. Lúc bấy giờ bố ông đã chết, mẹ ông văn hoá thấp, còn ông thì ít tuổi nên không đòi được.

Thứ hai, ông (D) là con trai trưởng, mẹ ông đã giao cho ông thừa kế mảnh đất này và ngôi nhà này. Quá trình sử dụng, ngôi nhà đã xuống cấp, nhiều lần gia đình ông đều tự sửa chữa phù hợp theo hoàn cảnh, khả năng của gia đình. Năm 1964, ngôi nhà 05 gian tường hoa chắn mái hè trần bị sụp đổ, ông đã mướn thợ xây, thợ mộc để sửa lại cả 03 gian nhà trong; khi máng nước vòng quanh bị hỏng, nước chảy xuống nhà, lúc đó kinh tế khó khăn gia đình phải vay mượn để sửa chữa và 5 - 6 năm sau mới trả hết nợ. Đến năm 1970 xây thêm bể nước ăn. Năm 1983 động đất, 03 gian nhà trong máng bị vỡ, cả 4 quá giang nhà ngoài bị thụt xuống 05 cm, ông phải mua nguyên vật liệu để chống nhà, sau mua gạch vôi xi măng để mướn thợ làm 04 cột và sửa lại từ trong ra ngoài. Năm 1987, vợ chồng ông làm thêm 04 gian nhà ngang cấp 4 để sinh hoạt.

Năm 1992, trong nhà nền đất thấp ẩm lầy lội, các con ông phải kiến thiết xây 03 gian nhà trong, 05 gian nhà ngoài xây gạch, lát đá hoa để ở. Trong đó có sự đóng góp của con trai trưởng là Nguyễn Danh H và con dâu Nguyễn Thị H1. Năm 2012, sân lại hỏng vỡ nát, nước từ cống của xóm chảy vào nhà, gia đình lại nâng thêm 50cm nền để lát lại gạch sân từ cổng đi vào, xây tường hoa nhà vệ sinh. Vì thế gia đình ông muốn giữ nguyên hiện trạng, không muốn cho dòng họ đóng góp sửa chữa.

Thứ ba, vợ chồng ông lo thờ phụng các cụ trong gia đình và thờ phụng tổ tiên luôn chu đáo. Chị em trong gia đình và các cụ, các ông trong họ đều tôn trọng và quý mến; chỉ có một số đối tượng trong dòng họ không hoà thuận đã nhận toàn bộ ngôi nhà của gia đình ông là tài sản chung của dòng họ và có những hành vi, luận điệu xuyên tạc sự thật, gây mất đoàn kết. Chính vì vậy ông khẳng định: Gia đình ông đã sống trên mảnh đất này nhiều đời, mảnh đất này thuộc quyền sở hữu của gia đình và cũng đã được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 1142 GCN/RĐ ngày 29/12/1987 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố H có văn bản trình bày ý kiến: Vì lý do công việc nên xin vắng mặt và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/03/2024 và ngày 12/8/2024 tại UBND xã T, đại diện UBND xã T cung cấp các thông tin liên quan đến thửa đất như sau:

- Theo Bản đồ năm 1967 và sổ Mục kê năm 1978 là thửa đất số 261, tờ bản đồ số 01, diện tích 384m^2, đứng tên ông Nguyễn Văn T.

- Theo Bản đồ năm 1986 và sổ mục kê năm 1986 là thửa đất số 300, tờ bản đồ số 01, diện tích 384m^2, đứng tên ông Nguyễn Văn T, phần ghi chú có ghi bổ sung: "Nhà thờ họ" đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1141 GCN/RĐ do UBND huyện Đ thừa ủy quyền của UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 29/12/1987.

- Theo Bản đồ năm 1998 và sổ mục kê năm 1998 là thửa đất số 551, tờ bản đồ số 01, diện tích 292m^2, đứng tên chủ sử dụng là "Nhà thờ họ" (Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Theo Bản đồ VLap năm 2014 đã được phê duyệt là thửa đất số 225, tờ bản đồ số 15, diện tích 298,8m^2, đứng tên chủ sử dụng là "Nhà thờ họ" (Chưa cấp giấy chứng nhận QSD đất).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ các Điều: 26, 35, 37, 38, 147, 228; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều: 207; 208; 211; 212; 216; 217; 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Nhà ởĐiều 100, 160, 203 Luật Đất đaiNghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của đại diện dòng họ Nguyễn D đối với gia đình ông Nguyễn Danh T2.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T số 1141 GCN/RĐ do UBND huyện Đ thừa ủy quyền của UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 29/12/1987 (ghi chú: nhà thờ họ).

3. Xác định thửa đất số 300, tờ bản đồ số 91 tại cụm B, thôn V, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội là của dòng họ N.

3.1. Giao cho dòng họ Nguyễn D được quyền sử dụng 123,6m^2 đất làm nhà thờ họ trên đất có nhà thờ họ 03 gian đã cũ, bể nước, 01 gian trái tạm có ký hiệu A1 được giới hạn bởi các điểm: 1, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 3, 2, 1. Ông Nguyễn Danh T2 đại diện trưởng họ tiếp tục trực tiếp trông nom, quản lý.

3.2. Giao cho ông Nguyễn Danh T2 được quyền sử dụng 123,6m^2 đất trên đất có nhà ngang, vệ sinh, bếp có ký hiệu A2 được giới hạn bởi các điểm: 9, 10, 11, 1, 9.

3.3. Lối đi chung giữa nhà thờ và ông Nguyễn Danh T2 có diện tích 47,9 m^2 được giới hạn bởi các điểm: 1, 9, 8, 7, 6, 4, 3, 2, 1. Có sơ đồ kèm theo.

Tài sản, cây cối trên phần đất giao cho bên nào bên đó được tiếp tục sử dụng, không phải thanh toán chênh lệch.

4. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 17/9/2024, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Mạnh T3, ông Nguyễn Danh Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do các ông đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất tranh chấp là của dòng họ Nguyễn D và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bị đơn. Tuy nhiên, các ông không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm trích chia công sức cho bị đơn ½ thửa đất; các ông chỉ đồng ý trích chia cho bị đơn diện tích 50m^2 bằng giá trị theo kết quả định giá, đề nghị giao toàn bộ đất tranh chấp cho nguyên đơn quản lý.

- Ngày 20/9/2024, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Thửa đất tranh chấp không phải của dòng họ mà là của gia đình ông được truyền từ đời ông nội ông là cụ Nguyễn Danh T6 đến bố ông là cụ Nguyễn Danh P1 và đến đời ông được kế thừa thửa đất tranh chấp từ cha ông để lại;

+ Gia đình ông vốn không phải là trưởng họ, không được dòng họ giao

nhà thờ cho chăm nom quản lý mà trước kia trưởng họ là cụ Tuần N1 nhưng cụ Tuần N1 nghèo khó, không gánh vác được việc họ nên đã bán gia phả cho ông nội bị đơn là cụ Nguyễn Danh T6. Cụ T6 giàu có nên đã rước gia phả về nhà riêng của cụ để thờ cúng, phụng sự tổ đường. Thời điểm này, cụ T6 có 01 mẫu 08 sào đất canh tác. Khi cải cách ruộng đất, Nhà nước thu hồi đất nên gia đình ông chỉ còn 384m^2 đất; sau đó, Nhà nước trả lại đất cho gia đình ông là 03 gian để thờ, 05 gian để ở và gia đình ông đã ở từ đó đến nay. Trong quá trình sinh sống, gia đình ông đã nâng cấp, tôn tạo nhà để ở ổn định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đứng về phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; cùng thống nhất quan điểm với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về việc trích trả công sức trông coi, tôn tạo, bảo quản cho bị đơn ông Danh T2 50m^2 đất nhưng tính bằng giá trị theo kết quả định giá.

- Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn nhất trí với cách phân chia tại bản án sơ thẩm; do phía nguyên đơn không rút kháng cáo nên bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn; giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định, thuộc đối tượng được miễn án phí nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Sau khi phân tích nội dung vụ án và các tình tiết liên quan đến việc kháng cáo, yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (ông Nguyễn Mạnh T3, ông Nguyễn Danh Đ) có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Xét thấy đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, theo quy định tại các Điều 271, 272,

273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chính xác quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; đã xác định đúng và đủ các đương sự trong vụ án.

[3] Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã triệu tập hợp lệ các đương sự. Tuy nhiên, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quan điểm của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt họ.

[4] Xét kháng cáo của các đương sự:

[4.1] Căn cứ các tài liệu đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, thể hiện:

Theo bản đồ địa chính từ năm 1967 và sổ mục kê năm 1978 thửa đất là số 261, tờ bản đồ số 01, có diện tích 384m^2 mang tên ông Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Danh T2).

Theo bản đồ địa chính từ năm 1986 và sổ mục kê năm 1986 thửa đất là số 300, tờ bản đồ số 01, có diện tích 384m^2 mang tên ông Nguyễn Văn T, phần ghi chú có ghi bổ sung: Nhà thờ họ.

Theo bản đồ địa chính từ năm 1998 và sổ mục kê năm 1998 thửa đất là số 551, tờ bản đồ số 15, có diện tích 292m^2 mang tên chủ sử dụng: Nhà thờ họ.

Theo bản đồ Vlap năm 2014 đã được phê duyệt là thửa đất số 225, tờ bản đồ số 15, có diện tích 298,8m^2 mang tên chủ sử dụng: Nhà thờ họ.

Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất mang tên ông Nguyễn Văn T số 1141 GCN/RĐ do UBND huyện Đ thừa ủy quyền của UBND thành phố H cấp cho ông T ngày 29/12/1987. Địa phương xác định ông Nguyễn Văn T có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Nguyễn Danh T2 (bị đơn) là một người. Hiện nay, thửa đất số 225, tờ bản đồ số 15, diện tích 298,8m^2 tại cụm B, thôn V, xã T do gia đình ông Nguyễn Danh T2 đang quản lý, sử dụng.

[4.2] Với những chứng cứ nêu trên, có đủ căn cứ xác định: Thửa đất nêu trên là đất thờ tự, trên đất có nhà thờ tổ chi họ Nguyễn D, có nguồn gốc từ lâu đời; đến đời cụ Nguyễn Danh T6 là người trực tiếp quản lý, hương khói, nhang đèn thờ phụng tổ tiên. Cụ T6 (ông nội của bị đơn) tuy không phải là trưởng họ, nhưng vì trưởng họ khi đó không đủ sức gánh vác việc họ nên cụ T6 đứng ra nhận thờ cúng tổ đường và cùng gia đình sinh sống trên đất. Các thành viên của 03 chi trong họ mỗi dịp giỗ, Tết đều tập trung về nhà thờ họ để thành tâm lễ bái

đến nay đã được ba đời. Do đó, quan điểm của bị đơn cho rằng đất là của cụ T6 không phải của dòng họ là không có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Do ông Nguyễn Danh T2 và gia đình đã trực tiếp sinh sống trên đất, có công sức trông nom, duy trì, bảo quản, tôn tạo, sửa chữa qua nhiều đời với thời gian rất dài; mặt khác nay ông Nguyễn Danh T2 không có nơi ở nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cũng mong muốn hòa giải để chi họ có nơi thờ cúng và gia đình ông Nguyễn Danh T2 vẫn có nơi ăn chốn ở ổn định; nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về phía chi họ Nguyễn D tại phiên tòa sơ thẩm vẫn có quan điểm để cho gia đình ông Nguyễn Danh T2 sinh sống trên đất và tiếp tục quản lý Nhà thờ họ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôn trọng nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T số 1141 GCN/RĐ do UBND huyện Đ thừa ủy quyền của UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 29/12/1987; buộc ông Nguyễn Danh T2 phải trả lại cho chi họ Nguyễn D ½ diện tích đất = 123,6m^2 trên đất có nhà thờ; đồng thời trích trả công sức cho ông Nguyễn Danh T2 ½ diện tích đất = 123,6m^2 đất, trên đất có nhà ngang, vệ sinh, bếp của gia đình ông, tạo lối đi riêng vào nhà thờ là hợp lý và hợp tình, phù hợp với thực tế, vừa đảm bảo việc thờ cúng theo nguyện vọng dòng họ, vừa đảm bảo cho gia đình ông T2 có nơi ăn chốn ở ổn định, tiếp tục quản lý, đèn nhang thờ cúng như từ trước đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng không xuất trình được thêm chứng cứ, tài liệu nào mới để chứng minh cho quan điểm của mình. Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên đã tích cực hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

[5] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đương sự trong vụ án. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án *(ông Nguyễn Mạnh T3, ông Nguyễn Danh Đ).*

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T (nguyên đơn), ông Nguyễn Danh T2, ông Nguyễn Mạnh T3, ông Nguyễn Danh Đ.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh